

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN**  
**NĂM 2014**



## **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

### **1. Những sự kiện quan trọng:**

#### **+ Việc thành lập**

Mỏ Than Hà LẦM, nay là Công ty than Hà LẦM - VINACOMIN, nằm ở khu vực cách thị xã Hòn Gai (nay là Thành phố Hạ Long) 4km về phía đông. Theo tài liệu lịch sử, người Pháp tiến hành khai thác than tại khu vực Hà LẦM vào cuối thế kỷ thứ 19 (khoảng năm 1844) với công nghệ khai thác hoàn toàn bằng thủ công.

Mỏ Than Hà LẦM được thành lập từ ngày 01 tháng 08 năm 1960 dựa trên cơ sở sản xuất của khoáng sàng khu vực Hà LẦM, tách ra từ Xí nghiệp quốc doanh than Hòn Gai, tiếp quản từ thời Pháp để lại.

Năm 1993, Bộ Năng lượng có Quyết định số 402 NL/TCCBLĐ ngày 30/6/1993 về việc Mỏ Than Hà LẦM trực thuộc Công ty than Hòn Gai.

Đến năm 1997, Mỏ Than Hà LẦM được chuyển từ trực thuộc Công ty than Hòn Gai thành doanh nghiệp nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tổng công ty Than Việt Nam theo Quyết định số 25-1997/QĐ-BCN ngày 29/12/1997 của Bộ Công nghiệp.

Ngày 01 tháng 10 năm 2001, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam có quyết định số 405/QĐ-HĐQT, đổi tên Mỏ Than Hà LẦM - doanh nghiệp Nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam thành Công ty Than Hà LẦM - doanh nghiệp Nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam có quyết định số 2454/QĐ-HĐQT đổi tên Công ty Than Hà LẦM thành Công ty Than Hà LẦM – TKV, doanh nghiệp Nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Suốt 50 năm gian khổ phấn đấu xây dựng và trưởng thành từ một vài công trường khai thác phân tán, thi công, đến nay Hà LẦM đã là một công ty có quy mô sản xuất lớn, công nghệ hiện đại. Đội ngũ cán bộ, công nhân viên đông đảo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất.

Công ty cổ phần Than Hà LẦM - VINACOMIN luôn tự hào về truyền thống, về trang sử hào hùng, vẻ vang của mình trong những năm tháng khó khăn, gian khổ cũng như trong bước đường



đi lên, tự hào về những danh hiệu cao quý mà Đảng và Quốc hội, Nhà nước trao tặng cho các thế hệ thợ mỏ Hà Lâm: Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, Huân chương độc lập hạng nhì.

**+ Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần**

Ngày 18 tháng 12 năm 2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 3672/QĐ-BCN về việc cổ phần hoá Công ty Than Hà Lâm - TKV.

Theo quyết định số 2223/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Than Hà Lâm – TKV thành Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV. Công ty Than Hà Lâm đã thực hiện triển khai đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước, chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/02/2008 với tên gọi mới là “Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV”. Ngày 28 tháng 10 năm 2010 Công ty đã được Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất với tên gọi “Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – VINACOMIN”

**+ Niêm yết**

Ngày 16/2/2009, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng nhận lưu ký số 04/2009/GCNLK\_TTLK, ngày 18/2/2009, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 51/QĐ-TTGDHN về việc chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV. Ngày 5/3/2009, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HLC.

Ngày 14/7/2011, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04/2009/GCNCP-VSD-2 Đăng ký thay đổi lần thứ 2. Ngày 22/7/2011, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 351/QĐ-SGDHN về việc chấp nhận đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin. Theo quyết định trên ngày 18/8/2011, số cổ phiếu bổ sung của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HLC. Tăng vốn điều lệ từ 93 000 000 000đ lên 119 556 750 000đ.

Ngày 21/01/2014, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04/2009/GCNCP-VSD-3 Đăng ký thay đổi lần thứ 3. Ngày 21/01/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 38/QĐ-SGDHN ngày 25/01/2014, về việc chấp nhận đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin. Theo quyết định trên ngày 24/02/2014, số 11.250.946 cổ phiếu bổ sung của Công ty Cổ phần Than



Hà Lâm - Vinacomin chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HLC. Tăng vốn điều lệ từ 19.556.750.000 đồng lên 232.066.210.000 đồng.

## **2. Quá trình phát triển**

### ***Ngành nghề kinh doanh***

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22 03 001252 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008 thì ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, chế biến, tiêu thụ than và các khoáng sản khác;
- Chế tạo, sửa chữa, phục hồi thiết bị mỏ, phương tiện vận tải và các sản phẩm cơ khí khác;
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông, dân dụng, đường dây và trạm;
- Vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Quản lý, khai thác cảng lẻ;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống, du lịch lữ hành trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng, hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700101637 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần thứ 5 ngày 25 tháng 12 năm 2013 thì ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)



### **3. Định hướng phát triển**

#### **+ Tầm nhìn và quan điểm phát triển**

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - VINACOMIN hướng đến việc tạo ra giá trị cho tất cả các bên liên quan (bao gồm cổ đông sở hữu, người lao động, nhà nước, khách hàng, người dân xung quanh vùng khai thác, các bên có liên quan khác...) theo một phương thức có trách nhiệm và đóng góp thiết thực vào bối cảnh xã hội và môi trường nơi Công ty hoạt động. Để đạt được điều đó, Công ty sẽ tận dụng toàn bộ các ưu thế tiềm năng sẵn có, theo đuổi một chính sách phát triển bền vững và đa dạng trong mọi khía cạnh hoạt động của Công ty.

#### **+ Định hướng phát triển**

##### Phương hướng và mục tiêu:

Trong những năm tới, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

##### Sản xuất kinh doanh than:

- Tập trung thi công đào lò, xúc bốc đất đá và chuyển diện sản xuất cho các đơn vị để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất 2015.
- Lắp đặt lò chợ CGH 11.1.14 via 11 và căn chỉnh chạy thử phần đầu đạt 400.000 t/năm. Thi công, khoan vùng và lắp đặt lò chợ CGH 7.2 via 7.
- Hoàn thiện hệ thống đường xe mức -300 để tăng tốc độ vận tải vận chuyển người bằng song loan
- Giải phóng đền bù hoàn thành xong 23ha còn lại khu vực lộ thiên khu II Via 11 để tập trung xúc bốc đất đá

+ **Mục tiêu kế hoạch Công ty đặt ra:** Duy trì sản lượng than khai thác an toàn, tăng trưởng ổn định trên cơ sở đầu tư nâng cấp các hệ thống sàng tuyển, nâng cấp chất lượng than để nâng cao giá trị sản xuất.

##### Trang thiết bị khai thác

Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác hầm lò, xúc bốc, vận chuyển tiên tiến, phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty, nhằm giảm chi phí tiêu hao vật tư - dầu mỡ, giảm hao phí lao động/lấn than sản xuất.

Áp dụng công nghệ chống neo và phun bê tông đối với các đường lò đá mềm và lò than bằng neo cáp.

Lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống điều độ tập trung và kiểm soát người ra vào lò.



Hoàn thiện sơ đồ công nghệ và làm chủ dây chuyền sản xuất lò chợ cơ giới hóa đảm bảo đạt và vượt công suất thiết kế.

Môi trường:

Tập trung xử lý vấn đề môi trường, công nghệ khai thác mỏ như: đổ bãi thải thấp, trồng cây tạo các thảm thực vật phủ bề mặt bãi thải đã kết thúc đổ thải, xử lý nước thải trong quá trình khai thác. Thi công hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; và hệ thống xử lý nước thải hầm lò

Đào tạo:

Đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu vận hành - sửa chữa các thiết bị công nghệ cao.

Sản xuất kinh doanh khác:

**II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:**

**1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :**

**- Kết quả sản xuất kinh doanh:**

*Đơn vị: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.858.182.213.903	2.132.277.300.627
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DVụ	1.858.182.213.903	2.132.277.300.627
3	Giá vốn hàng bán	1.516.239.601.424	1.777.366.908.480
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DVụ	341.942.612.479	354.910.392.147
5	Doanh thu hoạt động tài chính	763.347.812	194.147.207
6	Chi phí tài chính	132.021.600.654	136.443.873.573
7	Chi phí bán hàng	48.916.239.129	42.619.656.385
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	126.412.887.827	135.065.265.855
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.355.232.681	40.975.743.541



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

10	Thu nhập khác	9.282.676.715	13.851.475.655
11	Chi phí khác	5.074.836.699	7.797.695.464
12	Lợi nhuận khác	4.207.840.016	6.053.780.191
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.563.072.697	47.029.523.732
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.977.439.422	10.472.789.241
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.585.633.275	36.556.734.491
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.154	1.575.27
17	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (đồng)	800	800

### 2. Tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2014

#### + Bảng tài sản:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>329.095.482.125</b>	<b>255.426.557.281</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	655.514.470	577.237.880
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	182.918.260.882	60.875.869.489
4	Hàng tồn kho	125.742.945.354	132.520.686.938
5	Tài sản ngắn hạn khác	19.778.761.419	61.452.762.974
	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.851.165.843.863</b>	<b>2.392.737.011.484</b>
7	Tài sản cố định	1.731.806.819.473	2.263.848.089.118
9	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
10	Tài sản dài hạn khác	111.939.030.010	121.111.927.986
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.180.261.325.988</b>	<b>2.648.163.568.765</b>



**- Bảng nguồn vốn:**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
	<b><i>NỢ PHẢI TRẢ</i></b>	<b><i>1.931.274.010.865</i></b>	<b><i>2.393.778.822.335</i></b>
1	Nợ ngắn hạn	791.618.087.261	493.041.885.467
2	Nợ dài hạn	1.139.655.923.604	1.900.736.936.868
	<b><i>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</i></b>	<b><i>248.987.315.123</i></b>	<b><i>254.384.746.430</i></b>
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	232.066.210.000	232.066.210.000
2	Vốn khác của Chủ sở hữu	3.616.463.459	
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
4	Quỹ đầu tư phát triển	4.682.713.684	22.318.536.430
5	Quỹ dự phòng tài chính	8.621.927.980	
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.180.261.325.988</b>	<b>2.648.163.568.765</b>

**2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

**3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2014:**

- Những khoản đầu tư lớn:
- + Đầu tư dự án khai thác phần dưới -50
- Thay đổi chiến lược kinh doanh:.....
- Sản phẩm và thị trường mới:.....

**4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:**

- Thị trường dự tính:
- Mục tiêu:

**III. Báo cáo của Ban giám đốc**

**1. Báo cáo tình hình tài chính**

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán :





STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>	<b>%</b>		
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		15.09	9.65
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		84.91	90.35
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	<b>%</b>		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		88.58	90.39
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		11.42	9.61
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	<b>Lần</b>		
	Khả năng thanh toán hiện hành		1.13	1.11
	Khả năng thanh toán dài hạn		1.62	1.26
	Khả năng thanh toán nhanh		0.42	0.52
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	<b>%</b>		
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1.54	1.71
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		11.48	14.37
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		1.31	1.38

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh  
- Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2014 :



Nguồn vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh  
phí và các quỹ khác 232.066.210.000đ

Giá sổ sách cổ phiếu = ----- = ----- = 10.000đ/cp

Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ 23.206.210cp

- Những thay đổi về vốn cổ đông: Không có

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

Cổ phiếu thường: 23.206.621 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

Cổ phiếu thường: 23.206.210 cổ phần

- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn: 08%

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Phân tích tổng quan về hoạt động SXKD của công ty so với kế hoạch/dự tính

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2014 QĐ2391/6786	Thực hiện năm 2014	So sánh %
					TH/KH
A	B	C	1	2	3=2/1
<b>1</b>	<b>Than nguyên khai khai thác</b>	1000Tấn	<b>1 700</b>	<b>1 737</b>	102,2
<b>a</b>	- Than lộ thiên	"	500	<b>501</b>	100,2
<b>b</b>	- Than hầm lò	"	1 200	<b>1 236</b>	103,0
<b>2</b>	<b>Đất CBSX</b>	1000 m <sup>3</sup>	<b>5 750</b>	<b>4 040</b>	70,3
	* Hệ số bóc đất sản xuất	m <sup>3</sup> /tấn	11,5	<b>8,07</b>	70,2
<b>3</b>	<b>Đào lò mới</b>	m	<b>16 627</b>	<b>16 626</b>	100,0
<b>a</b>	Mét lò XD CB	"	4 627	<b>4 630</b>	100,1
<b>b</b>	Mét lò CBSX	"	12 000	<b>11 996</b>	100,0
	* Hệ số mét lò CBSX	m/1000t NK	10,00	10,05	100,5
<b>4</b>	<b>Mét lò xén</b>	m	<b>5 250</b>	<b>5 157</b>	98,2
<b>5</b>	<b>Than tiêu thụ</b>	1000 tấn	<b>1 595</b>	<b>1 673</b>	104,9
<b>6</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tr.đồng	<b>1 905 942</b>	<b>2.132.277</b>	114,5
<b>a</b>	Than	"	1 674 642	1.754.090	106,9



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

	- Bán cho tuyển than Hòn Gai	"	1044 176	<b>1.058.192</b>	103,5
	- Bán cho Kho vận Hòn Gai	"	630 466	<b>693.736</b>	112,3
	- Nội bộ	"		<b>2.162</b>	
<b>b</b>	Sản xuất khác	"	231 300	<b>378 188</b>	169,3
<b>7</b>	<b>Giá bán than</b>	đồng	<b>1 171 078</b>	<b>1 176 114</b>	100,4
<b>8</b>	<b>Lợi nhuận</b>	"	<b>36 067</b>	<b>47.029</b>	126,5
	Trong đó: Sản xuất than	"	36 067	<b>46 394</b>	126,5
<b>9</b>	<b>Lao động bình quân</b>	Ngời	<b>4 299</b>	<b>4 233</b>	98,5
	Tiền lương BQ/ngời/tháng	1000đ	9 258	<b>9 780</b>	104,7

### 3. Những tiên bộ công ty đã đạt được

Công ty đã khoán chỉ tiêu Ak than nguyên khai bình quân cho từng vỉa, từng khai trường của từng đơn vị sản xuất than; đã tổ chức khoán chi phí theo năm và theo quý đến các công trường, phân xưởng và các đầu xe máy, thiết bị vận tải. Hệ thống định mức khoán được thường xuyên rà soát kỹ, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện sản xuất thực tiễn, đã khuyến khích được sản xuất.

Công tác tiết kiệm chi phí sản xuất được quan tâm chỉ đạo thường xuyên hàng năm. Năm 2014, triển khai công tác điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh theo hợp đồng với Tổng giám đốc VINACOMIN, thực hiện theo chỉ thị số 125/CT – VINACOMIN ngày 27/08/2013 của Tổng giám đốc Tập đoàn VINACOMIN. Công ty đã ban hành quyết định các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, bao gồm các nhóm giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch SXKD và tiết giảm chi phí năm 2014 tại quyết định số : 096/QĐ -HLC ngày 08/01/2014; Và để cụ thể hoá thành phương án tiết kiệm, tiết giảm chi phí bằng việc ban hành quyết định số 1147/QĐ-HLC ngày 12/03/2014 . Công tác quản trị chi phí giá thành đã được gắn liền với tiết kiệm chi phí, có kiểm soát và được triển khai đồng bộ từ Công ty đến các công trường, phân xưởng, trong đó đã đề ra phương án thực hành tiết kiệm như: tiết kiệm nhiên liệu, động lực, thép chống lò và ray thu hồi, chi phí sửa chữa thiết bị, nâng cao chất lượng than sản xuất, tăng năng suất lao động .... Bằng việc tuyên truyền thực hành tiết kiệm chống lãng phí đến tận người lao động, từ đó có cảm kết tiết giảm chi phí từ các công trường phân xưởng. Khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy các sáng kiến hợp lý hoá sản xuất.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

#### IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

#### V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

##### *Kiểm toán độc lập*

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt nam - Chi nhánh tại Hà nội.



- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – VINACOMIN tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

#### **VI. Các công ty có liên quan**

- Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 74.2% vốn điều lệ của Công ty.

#### **VII. Tổ chức và nhân sự**

- Cơ cấu tổ chức của công ty:

Tổng số cán bộ công nhân viên bình quân của Công ty năm 2014: là 4.233 người.

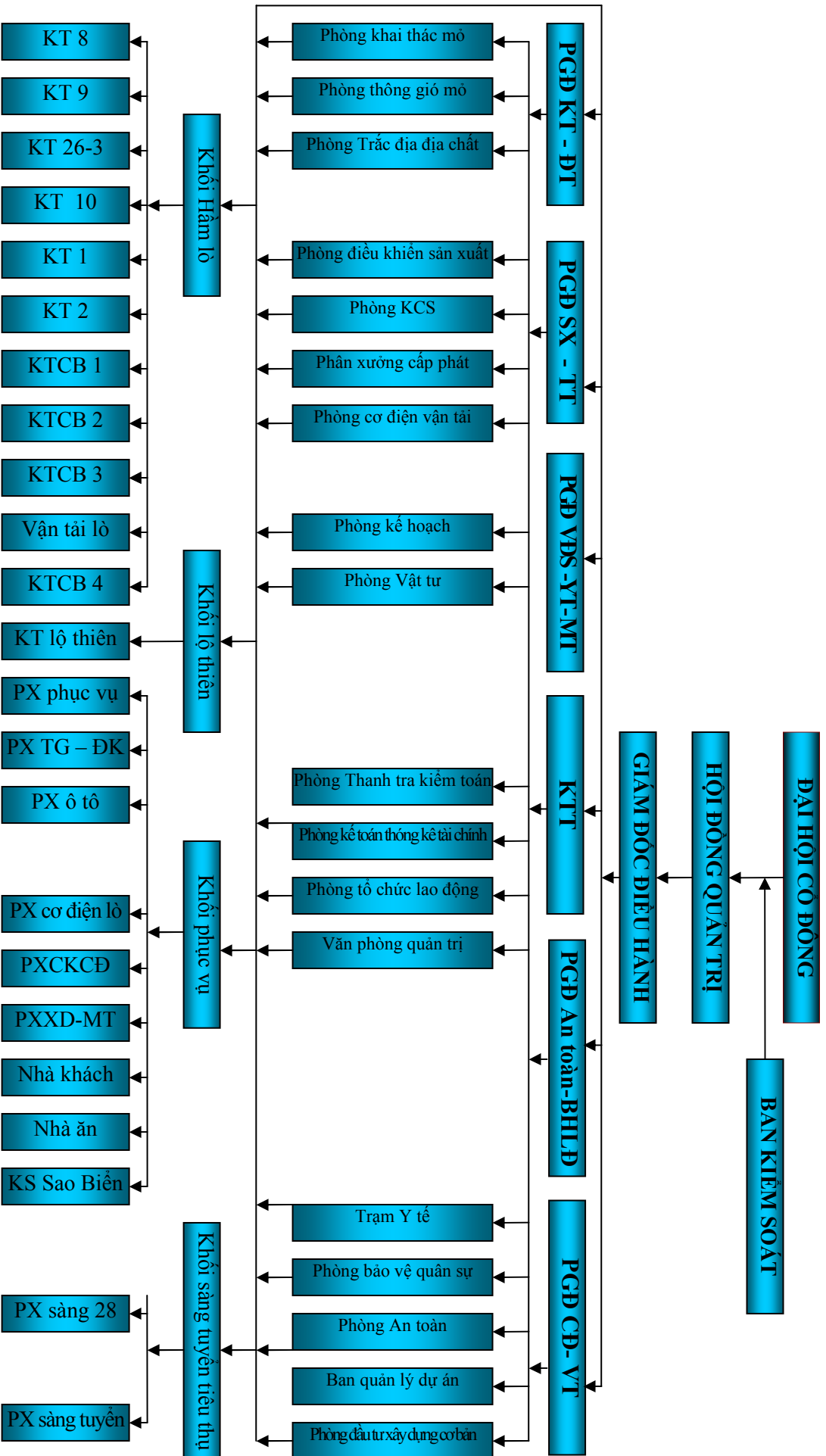
Chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện theo đúng các quy định của Luật lao động.

Tiền lương bình quân trong năm 2013 là: 9.780 đồng/người/tháng.

Bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty được thể hiện như dưới sơ đồ:



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**





### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCD có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc điều hành;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### **Hội đồng quản trị**

Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCD. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCD thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCD;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCD;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCD bầu ra gồm 03 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm, BKS thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban:



- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

### **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc gồm Giám đốc điều hành, Phó giám đốc Kỹ thuật, Phó giám đốc vật tư, Phó giám đốc sản xuất, PGĐ an toàn, PGĐ kinh tế, Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

**Các phòng quản lý:** Quản lý từng lĩnh vực chuyên môn, các phòng quản lý bao gồm các phòng khối kỹ thuật và khối nghiệp vụ.

**Khối kỹ thuật:** Quản lý lĩnh vực kỹ thuật theo từng phần: lập, kiểm tra, giám sát thực hiện các biện pháp kỹ thuật, thi công, nghiệm thu thực hiện.

**Khối nghiệp vụ:** có nhiệm vụ quản lý về nghiệp vụ, chuyên môn theo từng chuyên ngành.

**Khối điều hành sản xuất:** Điều hành sản xuất hàng ngày, tổ chức nghiệm thu số lượng và chất lượng than sản xuất, tiêu thụ, bảo vệ tài sản của Công ty và cấp phát vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất.



**Khối Hành chính:** Phụ trách thi đua khen thưởng, văn hóa thể thao, công tác xã hội, theo dõi chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Cán bộ công nhân viên.

### **VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty**

#### **1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:

+ HĐQT: 4/5 không điều hành

+ Ban kiểm soát: 2/2 không điều hành

- Hoạt động của HĐQT:

+ Họp thường kỳ

+ Họp bất thường:

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành thực hiện các công việc

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT

+ Ban lương .

+ Ban đầu tư:

+ Ban nhân sự:

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát.

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.





**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn**

**2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

**2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÀM-VINACOMIN**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

***Nguyễn Văn Trịnh***